

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-3-2025

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

\*Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Đức Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

**- Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa:** Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2024 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đoàn kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

\* **Bị đơn:** Anh Dương Văn M, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Nguộn, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn ngày 16/10/2025, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn M kết hôn ngày 27/9/2021, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Lan. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Nguộn, xã Thượng Lan sinh sống. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 01/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Từ tháng 04/2024 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ tháng 04/2024 chị về nhà mẹ đẻ tại Xóm Đoàn kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên sinh

sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021. Hiện 01 con chung đang ở với chị do chị nuôi dưỡng từ nhỏ đến tháng 8/2024 chuyển về địa chỉ xóm Đoàn kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ly hôn chị đề nghị giao 01 là cháu Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021 trực tiếp nuôi dưỡng.

Hiện chị đang làm công nhân công ty Luxshare tại Khu công nghiệp Vân Trung. Thu nhập một tháng khoảng 13.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng, thời gian làm hành chính, được nghỉ chủ nhật có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh M tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị và anh M tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Đối với anh Dương Văn M là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N kết hôn ngày 27/9/2021, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Lan. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Nguồn, xã Thượng Lan sinh sống. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 7/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Từ tháng 8/2024 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Từ tháng 8/2024 chị N về nhà mẹ đẻ tại xóm Đoàn kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Anh đã nhiều lần đến khuyên chị N về nhưng không được, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị không ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021. Hiện 01 con chung đang ở với chị N đến tháng 8/2024 chuyển về địa chỉ xóm Đoàn kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Trường hợp ly hôn anh đề nghị giao 01 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh đang làm công nhân công ty Hồng Hải tại Khu công nghiệp Quang Châu. Thu nhập một tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng, thời gian làm hành chính, được nghỉ chủ nhật có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị N tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh và chị N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh M vắng mặt.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị N chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh M chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Dương Văn M.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng 01 con chung là Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021. Vấn đề cấp dưỡng: Chị N, anh M tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị N và anh M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh M có nơi cư trú: Thôn Nguồn, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị N vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh M.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Lê Thị N. Hội đồng xét xử thấy:

\* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị N và anh M xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh M có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Tại

bản tự khai, biên bản hòa giải chị N và anh M đều xác nhận vợ chồng ly thân nhau, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Đoàn Kết, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên sinh sống.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị N, anh M có xảy ra mâu thuẫn, chị N và con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Chị N, anh M đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021. Hiện con chung đang ở với chị N. Ly hôn chị N nhận nuôi con chung, anh M đồng ý, chị N có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy chị N có thu nhập, chị xác định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh M đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho chị N nuôi dưỡng con chung là cháu Phúc là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Phúc. Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

\* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N, anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

\* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị N, anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Dương Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng 01 con chung là Dương Đức Phúc, sinh ngày 18/10/2021. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001321 ngày 21/11/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị Lê Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Thượng Lan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**



